TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HSST
Ngày: 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Tấn Sinh

- Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2024/TLST –HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Tấn D**, sinh ngày 01-7-1990 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm T (Phạm Ngọc T1) và bà Huỳnh Thị L (Huỳnh Thị L1); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 28-10-2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản nhưng cho hưởng án treo với thời hạn tù còn lại là 15 tháng 4 ngày nên thời gian thử thách là 30 tháng 8 ngày kể từ ngày 28-10-2010. Đã được xóa án tích.

- Ngày 05-8-2023 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã B đến ngày 11-9-2023 Công an huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, nộp tiền phạt 22-01-2024.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17-01-2024 đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1965 và ông Lê Trung K, sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Bà Đặng Thị S, sinh năm 1973, nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Phạm V, sinh năm 1987, nơi cư trú: Xóm M, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Trung B, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Phạm Đình V1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 07/9/2023, do không có tiền tiêu xài, Phạm Tấn D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi từ nhà ở thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam đến địa bàn xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 08 giờ 20 cùng ngày, khi đi đến trước nhà bà Phạm Thị T2 ở thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thấy tại sân nhà bà Phạm Thị T2 có để 01 xe mô tô biển số 76S7-9361 trên xe có gắn sẵn chìa khoá nhưng không có người trông coi nên Phạm Tấn D lén lút tiếp cận xe mô tô trên rồi bật chìa khoá, điều khiển xe mô tô biển số 76S7-9361 đến một cửa hàng sửa xe máy (không rõ tên, địa chỉ cụ thể) ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bán với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, Phạm Tấn D sử dụng số tiền 1.000.000 đồng mua ma tuý sử dụng hết. Ngày 08/9/2023, bà Phạm Thị T2 phát hiện xe mô tô biển số 76S7-9361 bị mất trộm nên đến Công an xã B trình báo. Sau khi tiếp nhận tin báo về tội phạm, Công an xã B tiến hành các biện pháp xác minh, cùng lúc này, Phạm Tấn D nghe thông tin cơ quan Công an đang tiến hành các biện pháp điều tra vụ trộm cắp tài sản nên đến cửa hàng sửa xe máy đã bán xe mô tô 76S7-9361 trước đó chuộc lại và đem về nhà tại thôn H, xã T, huyện N cất giấu với mục đích sẽ trả cho bà Phạm Thị T2, khi Công an xã B tiến hành xác minh tại nhà Phạm Tấn D thì phát hiện, thu giữ xe mô tô 76S7-9361 đồng thời mời Phạm Tấn D làm việc. Qua đấu tranh, Phạm Tấn D đã khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô 76S7-9361 của bà Phạm Thị T2 đúng với diễn biến sự việc như trên. Ngoài ra, Phạm Tấn D còn khai nhận thực hiện thêm hai vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ ngày 04/9/2023, Phạm Tấn D đang ở nhà tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đến địa bàn xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến trước cửa hàng N thuộc thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì phát hiện xe mô tô biển số 76L3-5225 của anh Phạm V, trên xe có gắn sẵn chìa khoá nhưng không có người trông coi, Phạm Tấn D lén lút tiếp cận tài sản, bật khoá rồi điều khiển xe đến tiệm sửa xe máy "Vũ 76" tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi của Phạm Đình V1 để bán, Phạm Đình V1 hỏi Phạm Tấn D xe của ai và giấy tờ đâu thì Phạm Tấn D nói đây là xe của gia đình nhưng đã bị mất giấy tờ. Sau đó, Phạm Đình V1 và Phạm Tấn D thống nhất thoả thuận mua, bán xe biển số 76L3-5225 với giá 1.200.000 đồng. Sau khi bán xe, Phạm Tấn D đã sử dụng số tiền trên tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 8 giờ ngày 05/9/2023, Phạm Tấn D đang ở nhà tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đến địa bàn xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến chợ ở xóm A, thôn B, xã B, huyện B, Phạm Tấn D thấy xe mô tô gắn biển số 76HK-5413, nhãn hiệu Daehan, màu sơn đỏ đen trên xe có gắn sẵn chìa khoá nhưng không có người trông coi nên Phạm Tấn D lén lút tiếp cận bật khoá rồi điều khiển xe đến tiệm sửa xe máy "Vũ 76" của Phạm Đình V1 ở xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để bán, Phạm Đình V1 hỏi Phạm Tấn D xe của ai và giấy tờ đâu thì Phạm Tấn D nói đây là xe của gia đình nhưng đã bị mất giấy tờ, V1 thấy nghi ngờ xe bất hợp pháp nên V1 yêu cầu D đứng gần xe cho V1 chụp hình lưu lại, tuy nhiên D vẫn đồng ý cho V1 chụp hình lưu lại và không có thái độ lo sợ nên V1 tin tưởng và đồng ý mua xe này với giá 700.000 đồng, tiền bán xe thì D tiêu xài cá nhân hết.

Trong cùng thời điểm này, ngày 11-9-2023 Công an huyện B đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 181/QĐ-XPHC xử phạt Phạm Tấn D 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn xã B theo biên bản vi phạm hành do Công an xã B lập ngày 25-8-2023 đối với hành vi trộm cắp Phạm Tấn D thực hiện vào ngày 05-8-2023.

Đến ngày 18-9-2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B mới tiếp nhận tin báo về tội phạm đối với hành vi trộm cắp tài sản Phạm Tấn D thực hiện vào các ngày 04, 05 và 07-9-2023 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành điều tra, khởi tố Phạm Tấn D đối với hành vi trộm cắp tài sản thực hiện vào các ngày 04, 05 và 07-9-2023.

Tại Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số **76S7-9361**, nhãn hiệu CPI trị giá **1.500.000** đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô biển số **76L3-5225**, nhãn hiệu DAEHAN trị giá **2.200.000** đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu

DAEHAN gắn biển kiểm soát **76HK-5314**, trị giá **700.000** đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 03-4-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố bị cáo Phạm Tấn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Tấn D phạm tội "Trộm cắp tài sản", căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Tấn D từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 76S7-9361, nhãn hiệu CPI cùng giấy đăng ký xe là tài sản của vợ chồng ông Lê Trung K, bà Phạm Thị T2 và xe mô tô biển số 76L3-5225, nhãn hiệu DAEHAN cùng giấy đăng ký xe là tài sản của ông Phạm Vương . Sau khi có kết luận định giá tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu và ai không yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

- Đối với xe mô tô gắn biển số 76HK-5413, nhãn hiệu Daehan: Qua điều tra xác định xe mô tô biển kiểm soát 76HK-5413 là xe có nhãn hiệu Daehan, màu đỏ đen, số khung: RMDECG1MD51006762, số máy: VTTJL1P50FMG009041. Bà Đặng Thị S khai nhận mua xe mô tô nhãn hiệu Daehan, biển số 76X4-6410, số khung: RMDECG1MD51006762 của ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1981 ở thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, quá trình sử dụng thì bị rơi mất biển số nên bà gắn biển số 76HK-5413 (có chủ xe đăng ký tên Đặng D1, sinh năm 1937, ở tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) nhặt được trên đường đi làm để gắn vào tiếp tục sử dụng và đồng thời do xe bị hư nên khi sửa chữa thì dẫn đến số máy bị thay đổi thành VTTJL1P50FMG009041. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra, đối với tài sản xe mô tô gắn biển số 76HK-5413 đã cũ nát hư hỏng nên bà không yêu cầu nhận lại, không yêu cầu gì về mặt dân sự. Đối với biển số 76HK-5413 thì cũng không bị mất trộm và chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại. Đối với số máy VTTJL1P50FMG009041 thuộc xe mô tô biển số 98L6-1624 của Đào Trọng T4 ở tại Bản H, T, Y, Bắc Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều ra đối với số máy nêu trên nhưng chưa có kết quả trả lời. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ xe mô tô gắn biển kiểm soát 76HK-5413 cùng giấy đăng ký xe mô tô 76X4-6410 để xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 đôi dép màu vàng bằng nhựa, 01 áo pull ngắn tay màu đen, 01 quần lửng, loại quần thể thao màu kem là trang phục của Phạm Tấn D mặc trên người khi đi trộm cắp tài sản ngày 07/9/2023 nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiện dân sự: Qua làm việc, Phạm Đình V1, Đặng Thị S, Lê Trung K, Phạm V không yêu cầu gì về mặt dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận. Bị hại Đặng Thị S đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại Phạm Thị T2, Lê Trung K, Phạm V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Đình V1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, xét thấy việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tấn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân trong khoảng thời gian từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 9 năm 2023, lợi dụng sơ hở của người dân trong việc quản lý xe mô tô, bị cáo D đã liên tiếp 3 lần lén lút lấy trộm xe mô tô của 3 người dân cư trú trên địa bàn xã B, huyện B gồm: ông Lê Trung K, bà Đặng Thị S và ông Phạm V với tổng giá trị là 4.400.000 đồng, trong đó có một lần lấy tài sản có giá trị là 2.200.000 đồng, những lần còn lại mặc dù số tiền chiếm đoạt không đủ định lượng nhưng các hành vi xâm phạm quyền sở hữu này là liên tục, kế tiếp nhau, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố bị cáo D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt 4.400.000 đồng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác và làm mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần xử lý để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, ngày 28-10-2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong bản án đã xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, ngày 05-8-2023 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đến ngày 11-9-2023 Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000

đồng. Do quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không xem đây là tiền sự của bị cáo, nhưng hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính này và các hành vi phạm tội tiếp theo cho thấy bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực cải tạo bản thân

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với xe mô tô biển số 76S7-9361, nhãn hiệu CPI cùng giấy đăng ký xe là tài sản của vợ chồng ông Lê Trung K, bà Phạm Thị T2 và xe mô tô biển số 76L3-5225, nhãn hiệu DAEHAN cùng giấy đăng ký xe là tài sản của ông Phạm Vương . Qúa trình điều tra thu hồi được tài sản và đã trả lại cho chủ sở hữu, chủ sở hữu không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6.2] Đối với xe mô tô gắn biển số 76HK-5413, nhãn hiệu Daehan: Qua điều tra xác định xe mô tô biển kiểm soát 76HK-5413 là xe có nhãn hiệu Daehan, màu đỏ đen, số khung: RMDECG1MD51006762, số máy: VTTJL1P50FMG009041. Bà Đặng Thị S khai nhận mua xe mô tô nhãn hiệu Daehan, biển số 76X4-6410, số khung: RMDECG1MD51006762 của ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1981 ở thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, quá trình sử dụng thì bị rơi mất biển số nên bà gắn biển số 76HK-5413 (có chủ xe đăng ký tên Đặng D1, sinh năm 1937, ở tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) nhặt được trên đường đi làm để gắn vào tiếp tục sử dụng và đồng thời do xe bị hư nên khi sửa chữa thì dẫn đến số máy bị thay đổi thành VTTJL1P50FMG009041. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra, đối với tài sản xe mô tô gắn biển số 76HK-5413 đã cũ nát hư hỏng nên bà không yêu cầu nhận lại, không yêu cầu gì về mặt dân sự. Đối với biển số 76HK-5413 thì cũng không bị mất trộm và chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại. Đối với số máy VTTJL1P50FMG009041 thuộc xe mô tô biển số 98L6-1624 của Đào Trọng T4 ở tại Bản H, T, Y, Bắc Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều ra đối với số máy nêu trên nhưng chưa có kết quả trả lời, nên xe mô tô gắn biển kiểm soát 76HK-5413 cùng giấy đăng ký xe mô tô 76X4-6410, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tách ra và tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau.

[6.3] Đối với 01 đôi dép màu vàng bằng nhựa, 01 áo pull ngắn tay màu đen, 01 quần lửng, loại quần thể thao màu kem là trang phục Phạm Tấn D sử dụng khi đi trộm cắp tài sản vào ngày 07/9/2023, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu nhận lại và tài sản này qua sử dụng đã cũ nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra, ông Phạm Đình V1, bà Đặng Thị S, ông Lê Trung K, bà Phạm Thị T2 và ông Phạm V không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Đối với các đối tượng và hành vi có liên quan:

[8.1] Đối với hành vi của Phạm Đình V1 mua xe mô tô biển số 76L3-5225 và xe mô tô gắn biển số 76HK-5413 của Phạm Tấn D: Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định Phạm Đình V1 không biết 02 xe mô tô trên do Phạm Tấn D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xử lý về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8.2] Đối với hành vi của Phạm Tấn D sau trộm cắp tài sản thì mua ma tuý của người không rõ nhân thân lai lịch sử dụng: Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác định Phạm Tấn D chỉ mua ma tuý để sử dụng một mình, không xác định được địa chỉ nơi sử dụng ma túy cũng như nơi mua ma túy nên không có cơ sở xử lý về tội mua bán, tàng trữ hay tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

[9] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Điều 106; Điều 292 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tấn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 17-01-2024).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) đôi dép màu vàng bằng nhựa;

- 01 (một) áo pull ngắn tay màu đen;

- 01 (một) quần lửng, loại quần thể thao màu kem.

Theo biên bản giao nhật vật chứng lập ngày 22-5-2024 giữa Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Tấn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- CA huyện Bình Sơn (ĐT+ LT);
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

TÒA ÁN[1].....

Bản án số:...../.....[2]/HS-ST
Ngày.....-.....-..... [3]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN..... [4]

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[5]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)…… [6]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(7).....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... [8] tại……[9]

xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:…/…/TLST-HS ngày…tháng…năm…theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:…/…/QĐXXST-HS ngày…tháng…năm… đối với bị cáo (các bị cáo):

[11] .....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; [12]tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân…….; bị bắt, tạm giam ngày[13].....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:[14]

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là[15].....

- Người bào chữa cho bị cáo:[16]...

……..

- Bị hại:[17]

……..

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:[18]

……..

- Nguyên đơn dân sự:[19]

……..

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:[20]

……..

- Bị đơn dân sự:[21]

……..

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:[22]

……..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[23]

……..

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:[24]...

……..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):[25]……...

……..

- Người tham gia tố tụng khác:[26]……

……..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:[27]

……

……

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: [28]

[1]……
……..

[2]……..
……

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào[29]……
……...

[30]...

...

[31] ...

……...

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu , quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L2 (ví dụ: Ông Trần B1, Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L4 bào chữa cho Nguyễn Văn D2); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)